*Ngày soạn:……………..*

*Ngày dạy:………………*

**BÀI 2. THƠ ĐƯỜNG LUẬT**

**TỰ TÌNH**

*Tiết:……*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: hình ảnh, vẫn, đối, chủ thể trữ tình...

- Cảm nhận được tâm trạng vừa buồn tủi, vừa phẫn uất trước tình cảnh éo le và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương.

- Thấy được tài năng thơ Nôm Hồ Xuân Hương.

**2. Năng lực**

***- Năng lực chung:*** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***- Năng lực chuyên biệt:***

+ Năng lực đọc hiểu văn bản văn học trung đại.

+ Năng lực tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm thơ trữ tình trung đại.

***3. Phẩm chất***

- Trân trọng, cảm thông với thân phận và khát vọng của người phụ nữ trong xã hội xưa.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Chuẩn bị của giáo viên:***

- Giáo án

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

***2. Chuẩn bị của học sinh:*** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Kiến thức văn học, đời sống, xã hội

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ và trả lời.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV: Tổ chức trò chơi “HỘP QUÀ BÍ ẨN”. Tìm những câu ca dao, thành ngữ hoặc những tác phẩm thơ văn đã học nói về thân phận của người phụ nữ trong xã hội xưa.

**Câu hỏi 1:** Đọc được ít nhất một câu ca dao than thân mở đầu bằng *“Thân em”?* ***Đáp án:***

*Thân em như tấm lụa đào*

*Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.*

**Câu hỏi 2:** Điền từ con thiếu vào câu thành ngữ sau:

……….. bạc mệnh

Hồng nhan ……….

***Đáp án:***

*Hồng nhan bạc mệnh*

*Hồng nhan đa truân*

**Câu hỏi 3:** Nữ sĩ Hồ Xuân Hương được mệnh danh là?

***Đáp án:*** *Bà chúa thơ Nôm*

**Câu hỏi 4:**Truyện thơ Nôm nổi tiếng nào của Nguyễn Du có đề cập đến thân phận người phụ nữ *“hồng nhan bạc phận”*?

***Đáp án:*** Truyện Kiều – Nguyễn Du

***Dẫn dắt vào bài:***Khi xã hội phong kiến Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, làm cho cuộc sống của người nông dân vô cùng khổ cực, đặc biệt là người phụ nữ. Và không ít nhà thơ, nhà văn đã phản ánh điều này trong tác phẩm như: *“Truyện kiều” (Nguyễn Du), “Chuyện người con gái Nam Xương”(Nguyễn Dữ)*…Đó là những lời cảm thông của người đàn ông nói về người phụ nữ, vậy người phụ nữ nói vè thân phận của chính họ như thế nào, ta cùng tìm hiểu bài *“Tự tình” (II)* của Hồ Xuân Hương.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

**a) Mục đích:** Giúp học sinh hiểu được những nét cơ bản nhất tác giả và tác phẩm.

**b) Nội dung:**HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi:  *+Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu những hiểu biết của mình về thơ Nôm Đường luật Việt Nam?*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi:  *+ Nêu những hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm?*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Thơ Nôm Đường luật Việt Nam***  - Thơ Nôm Đường luật:  + Thơ Đường luật viết bằng chữ Nôm (là chữ của người Việt sáng tạo trên cơ sở chữ Hán để ghi âm và biểu đạt nghĩa tiếng Việt).  + Thơ Nôm Đường luật dù vẫn còn mang tính quy phạm của thể thơ Đường luật về niêm, luật, vẫn, đối.... nhưng cũng đã có những thay đổi về nhịp điệu câu thơ, tận dụng các phép đối, sử dụng nhiều từ ngữ và hình ảnh từ đời sống mang bản sắc dân tộc.  ***2. Tác giả***  ***a. Cuộc đời***  - HXH (chưa rõ năm sinh, năm mất) bà sống ở khoảng cuối TK XVIII – đầu TK XIX.  - Quê: làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An nhưng sống chủ yếu ở kinh thành Thăng Long. Nữ sĩ có một ngôi nhà riêng ở Hồ Tây (HN) lấy tên là “Cổ Nguyệt Đường”.  - Bà đi nhiều nơi và thân thiết với nhiều danh sĩ, có người nổi tiếng như Nguyễn Du.  - Là người có tài, có bản lĩnh nhưng cuộc đời lại gặp nhiều bất hạnh, ngang trái.  ***b. Sự nghiệp sáng tác***  - Sáng tác cả chữ Hán và chữ Nôm nhưng thành công ở chữ Nôm.  - Tác phẩm:  + 40 bài thơ Nôm.  + Lưu hương kí (24 bài chữ Hán, 26 bài chữ Nôm).  - Phong cách thơ vừa thanh vừa tục.  - Thơ HXH là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm chất dân gian từ đề tài,cảm hứng ngôn từ và hình tượng.  → Được mệnh danh là “*bà chúa thơ Nôm”.*  ***2. Bài thơ “Tự tình” (II)***  - Xuất xứ: Bài thơ thứ 2 trong chùm 3 bài.  - Thể loại: Thơ Nôm đường luật, viết theo thể thất ngôn bát cú.  - Nhan đề “Tự tình”: bày tỏ tâm trạng, cảm xúc, tình cảm của người viết.  - Cảm nhận chung: Bài thơ thể hiện sự cảm thức về thời gian và tâm trạng buồn tủi, phuẫn uất trước duyên phận éo le và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nhà thơ.  - Bố cục: Đề - Thực - Luận - Kết |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc hiểu văn bản**

**a) Mục đích:** HS nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản.

**b) Nội dung:**HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| **Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi:  - GV gọi HS đọc 2 câu đề.  - HS thảo luận theo nhóm các câu hỏi sau:  - Hai câu thơ đầu tả cảnh gì? Trong thời điểm nào? Từ văng vẳng gợi âm thanh như thế nào?  - Em hiểu từ hồng nhan là gì? Từ này thường đi với từ nào để trở thành thành ngữ?  - Nhận xét cách dùng từ và ngắt nhịp câu thơ 2? Từ “trơ” có thể hiểu như thế nào?  - Tâm trạng của tác giả qua hai câu thơ này là tâm trạng gì?  - Dự kiến HS trả lời.  Hai câu đề diễn tả không gian vắng lặng về khuya 🡪 Tâm trạng cô đơn, bối rối trước thời gian, cuộc đời. Cô đơn trong bẽ bàng, rẻ rúng và tự mai mỉa cay đắng. Nhưng trơ cái hồng nhan với nước non còn thể hiện bản lĩnh, thể hiện sự thách thức, thách đố của cá nhân trước cuộc đời, số phận. Kiều như: Đá cũng trơ gan cùng tế nguyệt( Bà Huyện Thanh Quan ).  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi:  - GV gọi HS đọc 2 câu thực.  - HS thảo luận theo nhóm các câu hỏi sau:  - Cảnh nhà thơ một mình uống rượu dưới trănh khuya gợi tâm trạng gì?  - Chén rượu có làm vơi đi nỗi lòng của nhà thơ không?  - Chỉ ra mối tương quan giữa hình tượngntrăng sắp tànmà vẫn khuyết chưa tròn với thân phận của nữ sĩ.  (Liên hệ Truyện Kiều:  *Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,*  *Giật mình, mình lại thương mình xót xa*).  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.    **Nhiệm vụ 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi:  - GV gọi HS đọc 2 câu luận.  - HS thảo luận theo nhóm các câu hỏi sau:  + Ngoại cảnh và thiên nhiên trong hai câu luận có gì đặc sắc? Được miêu tả qua những bpnt nào? Chất chứa tâm trạng gì của con người?  + Tại sao khi nhìn xuống đất tác giả lại chú ý đến rêu, khi nhìn lên cao lại chú ý đến đá?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Nhiệm vụ 4**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi:  ***GV hướng dẫn tìm hiểu hai câu kết***  - GV gọi HS đọc 2 câu kết:  - HS thảo luận theo nhóm các câu hỏi sau:  - Hai câu kết nói lên tâm sự gì của tác giả?  - Nghệ thuật tăng tiến ở câu thơ cuối có ý nghĩa như thế nào?  - Giải thích nghĩa của hai "xuân" và hai từ "lại" trong câu thơ ?  - Liên hệ:  + Xuân Diệu:  “*Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua*  *…*  *“Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn*  *Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại”.*  + Thơ HXH:  *Chém cha cái kiếp lấy chồng chung*  *Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng*  *Năm thì mười họa nên chăng chớ*  *Một tháng đôi lần có cũng không…*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **II. Đọc – hiểu văn bản:**  ***1. Hai câu đề:***  *“Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn*  *Trơ cái hồng nhan với nước non”*  - Thời gian: đêm khuya  + Thời gian tự nhiên: khoảng thời gian yên tĩnh, vắng lặng về đêm.  + Thời gian tâm lí: khoảng thời gian con người thường đối diện với chính mình trong suy tư, trăn trở.  - Âm thanh: tiếng trống canh dồn  + Từ láy “văng vẳng”: âm thanh từ xa vọng lại.  🡪 *"lấy động tả tĩnh":* không gian tĩnh lặng, thanh vắng.  + trống canh dồn: âm thanh nghe dồn dập, thúc giục.  🡪Gợi không gian vắng vẻ với bước đi dồn dập của thời gian → Tâm trạng cô đơn,rối bời.  - Động từ “Trơ”:  + Trơ lì: sự từng trải, do cuộc đời nhiều éo le, ngang trái, duyên phận hẩm hiu, kiếp “hồng nhan bạc phận).  + Sự trơ trọi, lẻ bóng, cô đơn  🡪 “Trơ cái hồng nhan” là nỗi đau của HXH- sự tủi hổ, bẽ bàng khi duyên tình ko đến, duyên phận ko thành.  + *“Trơ cái hồng nhan với nước non”:*  Kết hợp từ “cái” + “hồng nhan”: “hồng nhan” là một khái niệm mỹ miều, chỉ người phụ nữ tài sắc mà lại đi với “cái” nghe thật rẻ rúng, mỉa mai. (hồng nhan trong câu thơ đã bị đồ vật hóa, rẻ rúng hóa).  + Nhưng “cái hồng nhan” lại “trơ” với “nước non” lại là bản lĩnh của HXH. Biện pháp đối lập: Cái hồng nhan >< nước non (cái nhỏ bé bên cạnh cái rộng lớn, mênh mông) đây không chỉ là sự dãi dầu, là cay đắng mà còn là cả sự thách đố,cho thấy sự bền gan, bản lĩnh của người phụ nữ trước cuộc đời.  => Hai câu thơ đề tạc vào không gian, thời gian hình tượng một người đàn bà trầm uất, đang đối diện với chính mình.  ***2. Hai câu thực***  *“Chén rượu hương đưa say lại tỉnh*  *Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn”*  - Bi kịch, nỗi đau thân phận được nhấn mạnh, khắc sâu hơn khi nv trữ tình ngồi một mình, đối diện với vầng trăng lạnh và mượn rượu để giải khuây.  - Nghệ thuật đối:  Chén rượu –hương đưa –say lại tỉnh  Vầng trăng – bóng xế – khuyết chưa tròn  🡪 Các từ ngữ đăng đối, hô ứng với nhau làm rõ thêm thân phận của một người đàn bà dang dở.  + Rượu không vơi cạn nỗi niềm mà khiến nỗi niểm trở nên thấm thía, đau xót hơn bởi “say lại tỉnh”, chữ “lại” gợi lên cái vòng luẩn quẩn, trở đi trở lại trong bế tắc, xót xa, chán nản, thất vọng…  + Thi sĩ tìm đến với trăng nhưng trăng lại trở thành hình ảnh soi chiếu thân phận “ Vầng trăng – bóng xế - khuyết chưa tròn”: Tuổi xuân qua đi mà duyên phận chưa trọn vẹn.  => Nỗi xót xa, cay đắng cho duyên phận dở dang, lỡ làng của một người phụ nữ tài hoa, ý thức sâu sắc về tình cảnh của bản thân.  ***3. Hai câu luận***  *“Xiên ngang mặt đất rêu từng đám*  *Đâm toạc chân mây đá mấy hòn”*  - Hai câu thơ gợi cảnh thiên nhiên và cảnh được gợi qua tâm trạng như cũng mang nỗi niềm phẫn uất, phản kháng dữ dội,muốn vùng vẫy, bứt phá của con người:  + Rêu: 1 sinh vật nhỏ bé, hèn mọn, không chịu khuất phục, mềm yếu. Nó đã mọc lên mà còn mọc xiên ngang mặt đất đầy thách thức.  + Đá: vốn đã rắn chắc nhưng giờ đây dường như nó cứng hơn, nhọn hơn để đâm toạc chân mây.  + Các động từ mạnh “xiên, đâm” kết hợp với phụ ngữ “ngang, toạc” + Biện pháp đảo ngữ trong 2 câu luận thể hiện sự bướng bỉnh, ngang ngạnh rât HXH, phản kháng không cam chịu chấp nhận số phận.  Mượn sức sống mãnh liệt của thiên nhiên thể hiện bản lĩnh, phản kháng vươn lên không cam chịu cho thấy nét độc đáo táo bạo thơ nữ thi sĩ.  ***4. Hai câu kết***  *“Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại*  *Mảnh tình san sẻ tí con con”*  - HXH muốn đạp tan, vùng vẫy nhưng ko thành, XHPK đã ko để tâm đến thân phận bọt bèo của người phụ nữ. Rốt cuộc nữ sĩ vẫn rơi vào bi kịch, tuyệt vọng, đành phải buông một tiếng thở dài não ruột trong sự buồn chán và cam chịu.  - Ngán 🡪 ngán ngẫm,chán trường, là sự mệt mỏi,buông xuôi trước thân phận, cuộc đời.      mùa xuân – tuần hoàn - vô hạn  - Xuân  tuổi xuân con người – hữu hạn  thêm lần nữa  - Lại    sự trở lại đồng nghĩa với sự  ra đi của tuổi xuân con người.  🡪 Mùa xuân của trời đất thì tuần hoàn, vĩnh cửu; mùa xuân của đời người ra đi không trở lại - sự trở lại của mùa xuân đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân.  - “Mảnh tình – san sẻ - tí – con con” 🡪Thủ pháp tăng tiến làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn, tội nghiệp hơn.  🡪Mảnh tình càng bé thì nỗi đau càng tăng và đọng lại là dư vị xót xa, cay đăng về thân phận của người phụ nữ trong xã hội xưa với phận hẩm, duyên ôi. |

**Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS tổng kết**

**a) Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b) Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.

**c) Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV: *HS khái quát nội dung và những đặc sắc nghệ thuật bài thơ?*  - Sự phát triển logic của tâm trạng HXH trong bài thơ:  Bi kịch,thách đố duyên phận  Chìm sâu trong bi kịch  Gắng gượng vươn lên  Vẫn rơi vào bi kịch  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | ***III. Tổng kết***  ***1.Nội dung:***  - Tâm trạng cô đơn ,buồn tủi, mỉa mai phẫn uất trước duyên phận éo le ngang trái, khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nhà thơ.  ***2. Nghệ thuật:***  - Từ ngữ, hình ảnh giản dị,nhưng giàu sức biểu cảm ,táo bạo, in đậm cá tinh sáng tạo của nữ sĩ.  - Việt hóa thơ Đường mang nét dân gian – dân tộc theo phong cách riêng của HXH.  *\*Ghi nhớ: SGK/tr19* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Luyện tập củng cố nội dung bài học

**b) Nội dung:**HS ôn tập, sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**HS hoàn thành các bài tập trắc nghiệm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM**  ***Câu 1: Tập thơ nào sau đây dược xem là của Nữ sĩ Hồ Xuân Hương?***  A. Giấc mộng con  B. Khối tình con  C. Lưu hương kí  D. Gái quê  ***Câu 2: Đọc bài thơ “Tự tình II”, anh (chị) nhận thấy khát vọng gì của nữ sĩ Hồ Xuân Hương?***  A. Khát vọng công danh, sự nghiệp  B. Khát vọng hạnh phúc lứa đôi  C. Khát vọng cuộc sống ấm no, hạnh phúc  D. Khát vọng sống, khát vọng tình duyên trọn vẹn, khát vọng hạnh phúc  ***Câu 3: Đối tượng thường được đề cập nhất trong thơ Hồ Xuân Hương là:***  A. Thầy tu hư hỏng  B. Người nông dân khốn khổ.  C. Người phụ nữ không hạnh phúc  D. Lũ học trò dốt  ***Câu 4: Nhận định nào dưới đây nói lên đặc điểm nổi bật nhất trong sáng tác của Hồ Xuân Hương?***  A. Trào phúng mà trữ tình, đậm đà văn liệu dân gian từ đề tài, cảm hứng đến ngôn ngữ và hình tượng.  B. Nỗi buồn đau về kiếp người bị bóc lột dưới chế độ phong kiến.  C. Bất mãn sâu sắc với chê độ phong kiến, nên giọng điệu thơ của bà thường khinh bạc.  D. Khai thác triệt để về đề tài tình yêu đôi lứa.  ***Câu 5: Bài thơ nào sau đây không phải của Hồ Xuân Hương?***  A. Mời trầu  B. Bánh trôi nước  C. Hương thầm  D. Khóc ông phủ Vĩnh Tường  ***Câu 6: Giá trị nhân văn, nhăn đạo cao đẹp trong sáng tác của Nữ sĩ Hồ Xuân Hương nổi bật ở điểm nào sau đây?***  A. Là tiếng cười mỉa mai những thói hư, tật xấu của bọn công tử nhà giàu.  B. Là bản cáo trạng đanh thép xã hội phong kiến bất công, bạo tàn, gây chiến tranh liên miên.  C. Là khát vọng cháy bỏng của người dân về đời sống xã hội phồn vinh, công bình,  D. Là tiếng nói thương cảm đối với người phụ nữ, là sự khẳng định, đề cao vẻ đẹp tâm hồn và khát vọng hạnh phúc của họ.  ***Câu 7: Sự giống nhau trong tâm trạng của Hồ Xuân Hương thể hiện trong bài “Tự tình I” và “Tự tình II” là***  A. Buồn đau, chán chường vì cuộc đời nhạt nhẽo, vô vị  B. Sự căm thù chế độ phong kiến thối nát  C. Buồn tủi, xót xa và phẫn uất trước duyên phận  D. Sự thách thức cuộc đời  ***Câu 8: Bài thơ “Tự tình” được viết bằng loại chữ gì?***  A. Chữ Pháp  B. Chữ Hán  C. Chữ Nôm  D. Chữ Quốc ngữ  ***Câu 9: Những dòng nào sau đây nói về ý nghĩa nhân văn trong bài thơ “Tự tình II” của Hồ Xuân Hương?***  A. Là ý chí vươn lên mạnh mẽ của người phụ nữ từng chịu nhiều bất hạnh  B. Là lời ca buồn về số phận người phụ nữ có tình duyên dở dang  C. Là sức sống mãnh liệt trong tâm hồn người phụ nữ và sự cố gắng vươn lên trên số phận, nhưng cuối cùng rơi vào bi kịch.  D. Là tiếng kêu thống thiết về nỗi đau duyên tình và khát vọng hạnh phúc  ***Câu 10: Hai câu thơ nào sau đây bộc lộ một sức sống mãnh liệt, cố vươn lên đế thoát khỏi số phận ngay cả trong tình huống buồn đau nhất?***  A. Xiên ngang mặt đất rêu từng đám  Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn  B. Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn  Trơ cái hồng nhan với nước non  C. Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại  Mảnh tình san sẻ tí con con!  D. Chén rượu hương đưa say lại tỉnh  Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn  ***Câu 11: Bài thơ nào sau đây là của Hồ Xuân Hương?***  A. Đèo Ba Dội  B. Qua đèo Ngang  C. Đèo Cả  D. Quán ven đường.  ***Câu 12: Đọc bài thơ “Tự tình II” của Hồ Xuân Hương, anh (chị) nhận thấy đặc sắc nghệ thuật thế hiện ở điểm nào?***  A. Nhiều hình ảnh ước lệ.  B. Thủ pháp nghệ thuật phóng đại được sử dụng hiệu quả  C. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thế trữ tình  D. Từ ngữ giàu tính biểu cảm, hình ảnh độc đáo  ***Câu 13: “Hồng nhan” là nói đến dung nhan thiếu nữ nhưng tác giả thả xuống một từ “trơ” phía trước, nhằm nhấn mạnh điều gì?***  A. Bộc lộ sự thách thức đối với số phận.  B. Nhấn mạnh sự bẽ bàng, sự mỉa mai, chua chát của chính bản thân mình.  C. Nhấn mạnh nỗi đau thế thái nhân tình  D. Bộc lộ sự bế tắc trước cuộc đời.  ***Câu 14: Ý nghĩa hai câu đề “Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn, Trơ cái hồng nhan với nước non” trong bài thơ “Tự tình II” là gì?***  A. Gợi cái vòng luẩn quẩn tình duyên đã trở thành trò đùa của tạo hoá.  B. Bộc lộ nỗi niềm buồn tủi, bẽ bàng, cay đắng, trơ trọi đang tràn ngập trong tâm hồn của phận “hồng nhan” (nhân vật trữ tình) trước bước đi lạnh lùng của thời gian.  C. Tả cảnh đêm khuya và người đẹp cùng nước non  D. Tả cảnh người đẹp đang trơ trọi giữa đêm khuya cùng sông núi  ***Câu 15: Câu thơ “Trơ cái hồng nhan với nước non” trong bài thơ “Tự tình” của Hồ Xuân Hương là nói đến điều gì?***  A. Vẻ đẹp tâm hồn của chủ thể trữ tình.  B. Sự cô đơn và bẽ bàng của chủ thể trữ tình.  C. Sự quyến rũ của một trang giai nhân.  D. Sự khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ.  ***Câu 16: “Tự tình II” của Hồ Xuân Hương là bài thơ Nôm Đường luật thuộc thể thơ nào sau đây?***  A. Thất ngôn bát cú  B. Cổ phong  C. Thất ngôn tứ tuyệt  D. Thất ngôn trường thiên.  ***Câu 17: Nữ sĩ Hồ Xuân Hương được mệnh danh là gì?***  A. Nữ sĩ thơ Nôm  B. Bà Chúa thơ Nôm  C. Bạch Vân cư sĩ  D. Hồng Hà nữ sĩ  ***Câu 18: Bài thơ “Tự tình” là của tác giả nào sau dây?***  A. Hồ Xuân Hương.  B. Xuân Quỳnh  C. Xuân Diệu  D. Đoàn Thị Điểm  ***Câu 19: Hai câu thơ nào sau đây bộc lộ nỗi buồn đau vì không thoát khỏi bi kịch?***  A. Xiên ngang mặt đất rêu từng dám  Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn  B. Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại  Mảnh tình san sẻ tí con con!  C. Đêm khuya văng vầng trống canh dồn  Trơ cái hồng nhan với nước non  D. Chén rượu hương đưa say lại tỉnh  Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn  ***Câu 20: Hai câu thơ sau đây sử dụng thủ pháp nghệ thuật gì: Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại - Mảnh tình san sẻ tí con con !***  A. Hoán dụ  B. Tăng tiến  C. Phóng đại  D. So sánh |

ĐÁP ÁN

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| C | D | C | A | C | D | C | C | C | A |
|  | | | | | | | | | |
| 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| A | D | B | B | B | A | B | A | B | B |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:** Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

**b) Nội dung:**HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

***Câu hỏi:*** Ý nghĩa nhân văn sâu sắc của bài thơ?

- HS suy nghĩ trả lời, GV nhận xét

***Gợi ý:***

- Tiếng nói đau buồn, phẫn uất của nhà thơ về duyên phận.

- Khát vọng sống, khát vọng tình yêu và hạnh phúc của nữ sĩ và của chung người phụ nữ trong XHPK.

**c) Sản phẩm:**HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**Làm bài tập vận dụng

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Bài thơ để lại trong em những cảm xúc hoặc ấn tượng gì? Hãy viết một đoạn văn *(8-10 dòng)* để ghi lại điều đó.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm bài.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | - Bài làm của HS. |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Tìm đọc chùm thơ Tự tình và những bài thơ Nôm khác của HXH.

- Đọc lại đoạn trích, học thuộc các dẫn chứng tiêu biểu.

- Chuẩn bị bài mớ